

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29-4-2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 441/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N; địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Dương Quang N; địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Bùi Thị Nhàn trình bày:

Chị và anh Dương Quang N kết hôn trên cơ sở hai bên đều tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 26 tháng 11 năm 2002. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến hai bên thường xuyên xảy ra va chạm bất hòa căng thẳng, hôn nhân không có hạnh phúc. Anh N thường xuyên uống rượu chửi bới, đánh đập chị, cuộc sống vợ chồng luôn sống trong tình trạng căng thẳng nghiêm trọng. Chị đã tìm nhiều cách khắc phục mâu thuẫn, nhưng hai bên không cải thiện được mà ngày càng nghiêm trọng hơn. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên giúp đỡ hòa giải nhưng không có kết quả. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn nghiêm trọng, hai bên không thể khắc phục mâu thuẫn chung sống đoàn tụ, hôn nhân không có hạnh phúc, sống ly thân. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Quang N.

Về con chung: Chị và anh Nghĩa có 01 con chung Dương Quang N, sinh ngày 09/4/2001. Ly hôn do con chung đã trưởng thành chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Bùi Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Dương Quang N: Anh Dương Quang N đã được Tòa án nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh N đến Tòa án giải quyết việc chị Bùi Thị N xin ly hôn, con chung, tài sản chung nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do, không có quan điểm gửi Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự: Vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Dương Quang N. Về con chung: Con chung Dương Quang N đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống của mình. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc vắng mặt của đương sự: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Bùi Thị N, anh Dương Quang N theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, anh N vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do còn chị N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Bùi Thị N và anh Dương Quang N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của chị Bùi Thị N về thời gian kết hôn, quá trình chung sống giữa chị N và anh N là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện trong quá trình chung sống hai bên va chạm bất hòa, sống ly thân, không còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, không tin tưởng nhau trong cuộc sống. Mâu thuẫn của hai bên đã được gia đình can thiệp giúp đỡ nhưng không khắc phục được. Quá trình giải quyết vụ án, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng đã nghiêm trọng không thể khắc phục đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Đối với anh N, Tòa án đã nhiều lần báo anh Nghĩa đến trình bày quan điểm, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai, chứng cứ và hòa giải, tìm cách khắc phục mâu thuẫn cho hai bên. Tuy nhiên, anh N đều vắng mặt không có lý do, không tham gia phiên hòa giải để hàn gắn đoàn tụ vợ chồng, tại phiên tòa tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị Bùi Thị N và anh Dương Quang N đã kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh Nghĩa là có cơ sở, cần được chấp nhận để giải phóng cho hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân. Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Dương Quang N.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị N và anh Dương Quang N có 01 con chung Dương Quang N, sinh ngày 09/4/2001. Ly hôn, do con chung đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Dương Quang N không có quan điểm trình bày về tài sản chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này hai bên có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Bùi Thị N và anh Dương Quang Nghĩa có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N được ly hôn anh Dương Quang N.
2. Về con chung: Con chung Dương Quang N, sinh năm 2001 đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không giải quyết.
3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.
4. Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn chị N đã nộp (Biên lai thu tiền số 0012961 ngày 28 tháng 12 năm 2020) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Chị Bùi Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị N và anh Dương Quang N được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã A (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương